

HƯỚNG DẪN

Thực hiện nội dung tiêu chí 6.4.

Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an” trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Điều lệ Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030; Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam hướng dẫn thực hiện nội dung tiêu chí 6.4 “Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn 5 không, 3 sạch, 3 an” trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030, cụ thể như sau:

I. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Hướng dẫn này quy định nội dung, phương pháp đánh giá, công nhận đạt và tổ chức thực hiện tiêu chí 6.4 “Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn 5 không, 3 sạch, 3 an” thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 ban hành kèm theo Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là tiêu chí 6.4).

2. Đối tượng áp dụng:

- Ủy ban nhân dân các cấp; các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan trong phối hợp chỉ đạo, tổ chức thực hiện tiêu chí 6.4 thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp.

- Hộ gia đình, hội viên phụ nữ, phụ nữ và cộng đồng dân cư.

II. Hướng dẫn thực hiện các tiêu chí và yêu cầu để đạt tiêu chí 6.4

1. Tỷ lệ cụ thể đối với từng tiêu chuẩn

Tên tiêu chí	Nội dung thực hiện	Yêu cầu thực hiện		
		Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3
1. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không”				
1.1. Không nghèo	Hộ gia đình không thuộc diện hộ nghèo theo tiêu chuẩn hộ nghèo đa chiều ¹	≥ 98%	≥ 95%	≥ 87%
1.2. Không bạo lực	Không có thành viên trong gia đình thực hiện hành vi bạo lực gia đình dưới mọi hình thức theo quy định của pháp luật.	≥90%	≥ 85%	≥ 80%
1.3. Không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội	Không có thành viên trong gia đình vi phạm pháp luật và bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định; không có thành viên vi phạm pháp luật về tệ nạn xã hội theo quy định.	≥85%	≥ 80%	≥ 75%
1.4. Không có trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học	Gia đình có trẻ em trong độ tuổi đi học không để xảy ra tình trạng bỏ học.	≥ 85%	≥ 80%	≥ 75%
	Trẻ em (từ 0 đến 5 tuổi) trong gia đình không bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi hoặc thừa cân, béo phì theo quy định của ngành y tế.	≥ 85%	≥ 80%	≥ 75%
1.5. Không lãng phí	Gia đình thực hiện chi tiêu phù hợp với điều kiện kinh tế; thực hành tiết kiệm trong sử dụng điện, nước, thực phẩm và các nguồn lực phục vụ sinh hoạt hằng ngày.	≥ 85%	≥ 80%	≥ 75%
2. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “3 sạch”				
2.1. Sạch nhà	Được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ²	≥80%	≥ 70%	≥ 40%
	Có nhà tiêu hợp vệ sinh theo hướng dẫn của ngành y tế.	≥80%	≥ 75%	≥ 70%
	Thực hiện phân loại rác tại nguồn.	≥80%	≥ 80%	≥ 80%
2.2. Sạch bếp	Gia đình có nơi chế biến, nấu ăn sạch sẽ, bảo đảm vệ sinh; thực phẩm được lựa chọn, sử dụng và bảo quản bảo đảm an toàn, hợp vệ sinh.	≥ 90%	≥ 85%	≥ 80%
2.3. Sạch ngõ	Thực hiện thu gom, xử lý rác thải đúng quy định; không để phát sinh ô nhiễm môi trường xung quanh nơi ở.	≥ 90%	≥ 85%	≥ 80%

¹ Tiêu chí “6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều” thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 tại Thông tư 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

² Tiêu chí “6.3. “Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn” thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 tại Thông tư 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Tên tiêu chí	Nội dung thực hiện	Yêu cầu thực hiện		
		Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3
3. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “3 an”				
3.1. An toàn	Gia đình có nhà ở kiên cố phù hợp điều kiện thực tế; thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn trong gia đình như phòng cháy, chữa cháy, an toàn điện, phòng ngừa tai nạn, thương tích, phòng, chống thiên tai và an toàn trên không gian mạng.	≥90%	≥ 80%	≥ 70%
3.2. An tâm	Gia đình hòa thuận; các thành viên được tôn trọng, bình đẳng, yêu thương, chia sẻ, hỗ trợ lẫn nhau; có ý thức thực hành hệ giá trị gia đình Việt Nam; gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc, địa phương và có trách nhiệm xây dựng gia đình tiến bộ, văn minh, ấm no, hạnh phúc.	≥85%	≥ 80%	≥ 75%
3.3. An sinh	- Các thành viên trong gia đình được bảo đảm các nhu cầu thiết yếu của cuộc sống; chăm sóc sức khỏe, tham gia bảo hiểm y tế theo quy định và tiếp cận các chính sách an sinh xã hội phù hợp; - Phụ nữ mang thai, trẻ em, người cao tuổi và các thành viên thuộc nhóm dễ bị tổn thương được quan tâm, chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ kịp thời.	≥85%	≥ 80%	≥ 70%

** Việc cụ thể hóa các tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an” của địa phương phải bảo đảm phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội, đặc điểm dân cư, tập quán, mức độ tiếp cận dịch vụ cơ bản; đồng thời không thấp hơn mức tối thiểu tại Hướng dẫn này.*

2. Phương pháp xác định tỷ lệ

- Việc đánh giá được thực hiện đối với từng tiêu chuẩn thuộc tiêu chí 6.4.
- Tỷ lệ hộ đạt từng tiêu chuẩn được xác định bằng tổng số hộ gia đình đạt tiêu chuẩn đó trên tổng số hộ gia đình trên địa bàn xã tại thời điểm đánh giá.
- Công thức xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn (\%)} = \frac{\text{Tổng số hộ đạt tiêu chuẩn}}{\text{Tổng số hộ trên địa bàn xã}} \times 100$$

- Xã được công nhận đạt tiêu chí 6.4 khi đều đạt **11 tiêu chuẩn** ở mức tỷ lệ tối thiểu trở lên đối với nhóm xã tương ứng theo hướng dẫn.

3. Hồ sơ minh chứng, đánh giá

- Phiếu tự rà soát, đánh giá hộ gia đình (do gia đình thực hiện); biên bản họp bình xét, thống nhất kết quả tại thôn, xã (làm cơ sở tổng hợp); biểu tổng hợp kết

quả đạt tiêu chuẩn do Hội LHPN xã phối hợp với UBND cấp xã tổ chức rà soát, đánh giá, tổng hợp và trình UBND cấp xã xác nhận.

- Kế hoạch của UBND xã về thực hiện nội dung tiêu chí 6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an” trong xây dựng nông thôn mới; chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể phối hợp triển khai.

- Các tài liệu, số liệu của địa phương để đối chiếu, xác nhận kết quả thực hiện các tiêu chí như: bản tự đánh giá của hộ gia đình, danh sách hộ nghèo, cận nghèo; số liệu về giáo dục, y tế, bảo hiểm y tế; nước sạch, vệ sinh môi trường; an ninh, trật tự và các nội dung có liên quan khác. Không yêu cầu hộ gia đình cung cấp hồ sơ, giấy tờ riêng lẻ cho từng tiêu chí; đối với các nội dung đã có trong hệ thống quản lý, rà soát, thống kê của địa phương thì sử dụng để đối chiếu, xác nhận kết quả thực hiện.

- Khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, biểu mẫu điện tử và cơ sở dữ liệu dùng chung trong tổng hợp, quản lý, theo dõi kết quả thực hiện.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Trung ương Hội LHPN Việt Nam

- Ban hành Hướng dẫn và các tài liệu cần thiết để triển khai thực hiện thống nhất nội dung tiêu chí 6.4 trong phạm vi cả nước.

- Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan trong hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện; theo dõi, tổng hợp, cập nhật tình hình triển khai; định kỳ báo cáo các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

- Huy động, điều phối, lồng ghép các nguồn lực hợp pháp để hỗ trợ địa phương triển khai thực hiện nội dung tiêu chí 6.4 gắn với Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an”.

- Tổ chức triển khai các hoạt động cấp Trung ương.

2. Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

- Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện nội dung tiêu chí 6.4 trên địa bàn; cụ thể hóa nội dung, giải pháp, lộ trình thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; bố trí, phân bổ kinh phí từ nguồn ngân sách thực hiện Chương trình và các nguồn hợp pháp khác theo quy định.

- Phân công và chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, Văn phòng Điều phối nông thôn mới và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp tổ chức triển khai thực hiện; lồng ghép nội dung tiêu chí 6.4 trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, đề án có liên quan trên địa bàn.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát; kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện tại địa phương.

- Định kỳ 6 tháng, hằng năm, giữa kỳ và khi kết thúc giai đoạn 05 năm, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí 6.4 gửi Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ

Việt Nam và Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

3. Hội Liên hiệp phụ nữ các tỉnh, thành phố

- Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nội dung tiêu chí 6.4 phù hợp với tình hình thực tế của từng nhóm xã, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt.

- Tổ chức triển khai các hoạt động theo kế hoạch được Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt; lồng ghép hoạt động, nguồn lực, địa bàn và đối tượng thụ hưởng với các chương trình, đề án được giao thực hiện để bảo đảm hiệu quả, tránh chồng chéo, trùng lặp; định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất về Trung ương Hội theo quy định.

- Triển khai có hiệu quả các nội dung được phân công; hướng dẫn Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp xã phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện; đồng thời tổng hợp kết quả thực hiện để báo cáo theo quy định.

Trên đây là Hướng dẫn thực hiện nội dung tiêu chí 6.4 “Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn 5 không, 3 sạch, 3 an” của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030. Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố quan tâm chỉ đạo; Hội Liên hiệp Phụ nữ các tỉnh, thành phố và các đơn vị liên quan tham mưu tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm hiệu quả, đúng mục tiêu, yêu cầu đề ra.

(Kèm theo Hướng dẫn các biểu mẫu rà soát, đánh giá, tổng hợp tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an”)

Nơi nhận:

- Phó Thủ tướng phụ trách (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Ban TT UBTW MTTQVN (để báo cáo);
- Bộ NN&MT (VP ĐP NTM TW), Bộ DT-TG, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ VH&TT&DL (để phối hợp);
- UBND tỉnh/thành; | (để thực hiện)
- VP ĐP NTM tỉnh/thành; |
- Thường trực ĐCT TW Hội LHPN VN (để b/c);
- Ban CTPN, các đơn vị; |
- Hội LHPN các tỉnh/thành; | (để thực hiện)
- Hội Phụ nữ Bộ Công an; |
- Ban CTPN Quân đội; |
- Lưu VT, GĐXH.



Lê Thị Thủy

HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ
TỶ LỆ HỘ GIA ĐÌNH ĐẠT TIÊU CHUẨN “5 KHÔNG, 3 SẠCH, 3 AN”
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 53/HD-ĐCT ngày 11 tháng 05 năm 2026 của Trung ương
Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam)

Mẫu số 01
(Mẫu dành cho hộ gia đình tự đánh giá)

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ
HỘ GIA ĐÌNH ĐẠT TIÊU CHUẨN “5 KHÔNG, 3 SẠCH, 3 AN”
(Hộ gia đình tự kê khai)

Xã:
Tỉnh/Thành phố:
Năm:

1. Thông tin hộ gia đình

- Họ và tên đại diện/chủ hộ gia đình:
- Giới tính (nam/nữ):
- Năm sinh:
- Dân tộc:
- Học vấn:
- Số điện thoại:
- Địa chỉ (thôn, xã, tỉnh/thành phố):
- Nhóm hộ gia đình (đánh dấu x vào các ô tương ứng phía dưới)

a. ☐ Hộ nghèo ☐ Hộ cận nghèo ☐ Hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, yếu thế (khuyết tật, trẻ mồ côi...): (ghi rõ)

b. ☐ Hộ không thuộc đối tượng quy định tại mục a)

2. Hộ gia đình tự đánh giá

STT	Nội dung tiêu chuẩn	Đạt	Chưa đạt	Ghi chú
1.	Không nghèo	☐	☐	
2.	Không bạo lực	☐	☐	
3.	Không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội	☐	☐	
4.	Không có trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học	☐	☐	
5.	Không lãng phí	☐	☐	
6.	Sạch nhà	☐	☐	
7.	Sạch bếp	☐	☐	
8.	Sạch ngõ	☐	☐	
9.	An toàn	☐	☐	

10.	An tâm	☐	☐	
11.	An sinh	☐	☐	

Kết quả tự đánh giá: Đạt:...../11 tiêu chuẩn.

3. Đề xuất nhu cầu hỗ trợ (đánh dấu x vào các ô tương ứng phía dưới – nếu có)

- ☐ Vay vốn
- ☐ Tập huấn kiến thức
- ☐ Hỗ trợ sinh kế
- ☐ Hỗ trợ cải thiện điều kiện sử dụng nước sạch
- ☐ Hỗ trợ cải tạo, nâng cấp công trình nhà tiêu hợp vệ sinh
- ☐ Khác:
-
-

*Gia đình cam kết thực hiện các tiêu chuẩn và khắc phục nội dung tiêu chuẩn chưa đạt.
....., ngày tháng.... năm ...*

ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH
(Ký, ghi rõ họ tên)

*** Ý kiến của Trưởng thôn:**

- Tổng số tiêu chuẩn đạt:/11
- Phân loại hộ gia đình: (đánh dấu x vào các ô lựa chọn)
- ☐ Đạt tiêu chí 6.4
- ☐ Chưa đạt tiêu chí 6.4
- Đề xuất hỗ trợ (nếu chưa đạt tiêu chí):
-

....., ngày tháng.... năm ...
XÁC NHẬN CỦA TRƯỞNG THÔN

BIÊN BẢN HỌP
Bình xét, thống nhất kết quả hộ gia đình đạt tiêu chuẩn
“5 không, 3 sạch, 3 an”

Hôm nay, vào hồi giờ phút, ngày tháng năm

Tại tổ chức họp bình xét, thống nhất kết quả hộ gia đình đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an” năm với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thành phần tham dự

- Ông/Bà: Trưởng thôn – Chủ trì
- Ông/Bà: Đại diện Ban công tác mặt trận thôn – Thành viên
- Bà: Đại diện Hội LHPN xã – Thành viên
- Bà: Đại diện Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ – Thư ký
- Hội viên phụ nữ, đại diện hộ gia đình tham dự:

Tổng số người tham dự: người.

Tổng số hộ được bình xét: hộ.

II. Nội dung cuộc họp

- Thông qua mục đích, yêu cầu, tiêu chí bình xét hộ gia đình đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an”.
- Báo cáo kết quả rà soát, tự đánh giá của các hộ gia đình.
- Thảo luận, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an” của từng hộ gia đình.
- Tiến hành biểu quyết, thống nhất danh sách hộ gia đình đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an”.

III. Kết quả bình xét

1. Tổng số hộ được rà soát, đánh giá: hộ.
2. Kết quả:
 - Số hộ đạt đủ 11 tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an”: hộ.
 - Số hộ chưa đạt: hộ.
3. Danh sách hộ đạt 11 tiêu chuẩn (Có danh sách kèm theo)

IV. Kiến nghị, đề xuất

.....
.....
.....
.....

Biên bản được thông qua hồi giờ phút cùng ngày, các thành viên tham dự thống nhất nội dung biên bản và cùng ký xác nhận.

CHI HỘI TRƯỞNG CHI HỘI PHỤ NỮ/THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG THÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng.... năm

DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH ĐẠT TIÊU CHUẨN “5 KHÔNG, 3 SẠCH, 3 AN”¹
(Áp dụng cho UBND xã)

Xã.....tỉnh/thành phố

Năm.....

(thuộc nhóm xã.....)

Tổng số hộ trong xã: hộ

STT	Họ tên chủ hộ	Địa chỉ (thông, xóm, ấp...)	Số nhân khẩu	Các tiêu chí đạt (đánh dấu x vào các tiêu chuẩn đạt)										
				Không nghèo	Không bạo lực	Không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội	Không có trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học	Không lãng phí	Sạch nhà	Sạch bếp	Sạch ngõ	An toàn	An tâm	An sinh
1	Nguyễn Văn A	Thôn A	4	x	x		x							
Tổng số hộ	200		850	190	185									
Tỷ lệ hộ đạt từng tiêu chuẩn (%) ²				95%	92,5%									

Kết luận: (đánh dấu x vào các ô lựa chọn)

☐ Xã đạt tiêu chí 6.4

☐ Xã chưa đạt tiêu chí 6.4

Người lập³

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Kèm theo biên bản họp bình xét và Tờ trình đề nghị công nhận đạt tiêu chí.

² Cách tính tại mục 2 Phương thức xác định tỷ lệ - Hướng dẫn số 53/HD-ĐCT ngày 11/5/2026 về thực hiện tiêu chí 6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an” trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.

³ Cán bộ Hội LHPN xã

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ

Số: /UBND-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng.... năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
TIÊU CHÍ 6.4 VỀ TỶ LỆ HỘ ĐẠT TIÊU CHUẨN “5 KHÔNG, 3 SẠCH, 3 AN” - BỘ
TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2026-2030
Năm

Kính gửi: Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Thực hiện Hướng dẫn số ... /HD-ĐCT ngày .../.../... của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về thực hiện nội dung tiêu chí 6.4 “Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn 5 không, 3 sạch, 3 an” của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030, Ủy ban nhân dân xã ... báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí 6.4 như sau:

1. Tổng số hộ toàn tỉnh:
2. Kết quả:
 - Số hộ đạt 11 tiêu chuẩn:
 - Tỷ lệ đạt:%
3. Phân tích theo các nhóm xã

ST T	Tên xã đạt tiêu chí 6.4	Thuộc xã nhóm 1	Thuộc xã nhóm 2	Thuộc xã nhóm 3	Ghi chú
1	Xã A				
2	Xã B				
Tổng cộng					

- Tổng số xã đạt tiêu chí 6.4: xã
- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí theo nhóm (%)
 - + Xã thuộc nhóm 1:%
 - + Xã thuộc nhóm 2:%
 - + Xã thuộc nhóm 3:%

4. Đánh giá chung

- Thuận lợi:
- Khó khăn:

5. Kiến nghị

Nơi nhận:

-

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
(Ký tên, đóng dấu)